ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3280/QĐ-UBND

Son La, ngày 25 tháng 12 năm 2017

QUYÉT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai,

khai thác nguồn nước dưới đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 771/GP-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Sơn La cấp cho Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1152/TTr-STNMT ngày 20/12/2017,

QUYÉT ĐỊNH:

- Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai (địa chỉ: Số 40, tiểu khu 10, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 771/GP-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Sơn La cấp với những nội dung sau:
- 1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: Mỏ đá của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai (địa chỉ: Bản Huổi Búng, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La).
- 2. Mục đích sử dụng nước của công trình: Cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất tại mỏ đá của Doanh nghiệp.

recibat

- 3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp.
 - 4. Giá tính tiền cấp quyền cho mục đích khác: 5.000 VNĐ/m³.
- 5. Tổng số tiền phải nộp: 29.203.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng Việt Nam).
- 5.1. Số tiền phải nộp cho các mục đích sử dụng nước của Doanh nghiệp là: 29.203.000 đồng Việt Nam.
 - 5.2. Số tiền phải nộp hằng năm:
- Số tiền phải nộp trong năm đầu tiên: Tính từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 31/12/2017 là: 1.281.000 VNĐ.
 - Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo:
- + Các năm 2018, 2019, 2021, 2022, 2023: Mỗi năm 3.832.500 VNĐ (làm tròn thành 3.833.000 VNĐ).
 - + Các năm 2020, 2024: Mỗi năm 3.843.000 VNĐ.
- Số tiền phải nộp năm cuối cùng: Tính từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 13/4/2025 là: 1.071.000 VNĐ.
 - 6. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm.
- 7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục thuế tỉnh Sơn La.
- Điều 2. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.
- Điều 3. Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ thì Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng

An Mai phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Mai Sơn; Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân sản xuất vật liệu và xây dựng An Mai; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./ المرابعة

Nơi nhân:

- TT tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;

(báo cáo)

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục quản lý tài nguyên nước;
- Như Điều 4;
- Luru: VT, HS Hiệu 20 bản.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hải